TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/**2019/DS-ST
Ngày: 28 - 11 - 2019
V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Đàm Như Nga

Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê*** tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐDS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **D - Chủ doanh nghiệp tư nhân T**; Địa chỉ: Số O, đường J, quận L, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo ủy quyền: bà Hồ Thị Mỹ B - Sinh năm 1997 - Địa chỉ; số G, quận R, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền ngày 05/11/2019). *Bà Duyên có mặt.*

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị H**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số V đường U, phường C, quận R, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn Trung K**; Sinh năm 1976; Địa chỉ: Số V đường U, phường C, quận R, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

2/ Bà **Tạ Thị X**; Sinh năm 1942; Địa chỉ: Số V đường U, phường C, quận R, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:**

Doanh nghiệp tư nhân T do ông D làm chủ doanh nghiệp (gọi tắt là Doanh nghiệp T) là đại lý xổ số kiến thiết cấp I. Bà Võ Thị H là người nhận vé xổ số kiến thiết (gọi tắt là vé số) từ Doanh nghiệp T để bán với hình thức nhận vé trước và thanh toán tiền sau cho doanh nghiệp.

Từ năm 2010 đến năm 2016, bà H nhận vé số nhưng không thanh toán đủ tiền cho Doanh nghiệp T. Đã nhiều lần hai bên làm việc về thanh toán nợ, trong đó bà Tạ Thị X (là mẹ chồng của bà H) và ông Nguyễn Trung K (là chồng của bà H) có tham một vài lần nhưng bà H vẫn không thanh toán tiền nợ đúng cam kết. Đến ngày 01/11/2017, Doanh nghiệp T và bà Võ Thị H tiến hành xác nhận công nợ lần cuối, bà H đã lập Giấy cam kết trả nợ tiền mặt ngày 01/11/2017 có chữ ký xác nhận của ông D. Theo giấy tờ đã lập, bà H xác nhận còn nợ Doanh nghiệp T số tiền 286.017.000đ và cam kết ngày 15/11/2017 trả 20.000.000đ, từ ngày 29/11/2017 mỗi tháng trả 10.000.000đ, nếu không thực hiện đúng cam kết sẽ tính lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 01/02/2018. Tuy nhiên, đến ngày 30/12/2017 bà H chỉ thanh toán được 22.000.000đ, từ đó cho đến nay bà H không thanh toán thêm khoản tiền nào khác cho Doanh nghiệp T.

Vào ngày 19/3/2019, ông D đã làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị H thanh toán cho Doanh nghiệp T số tiền nợ là 263.953.000đ và tiền lãi phát sinh. Qúa trình hòa giải tại Trung tâm hòa giải và đối thoại tại Tòa án, ông D cũng đã tạo điều kiện cho bà H trả dần khoản tiền trên nhưng bà H vẫn không thực hiện bất kỳ nội dung nào mà hai bên cam kết.

Do vậy ông D đã tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị H thanh toán cho Doanh nghiệp T số tiền bà H thiếu nợ là 263.993.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/7/2019 là 19 tháng theo mức lãi suất 1%/tháng, tổng số tiền lãi yêu cầu là 50.158.670đ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, cụ thể: yêu cầu tính lãi đối với bị đơn kể từ ngày 01/02/2018 đến ngày xét xử (ngày 28/11/2019), tính tròn là 21,5 tháng với mức lãi suất 10%/năm, số tiền lãi cụ thể yêu cầu là 47.298.745đ. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho Doanh nghiệp T là: 311.291.745đ.

*** Tại bản tự khai ngày 12/11/2019, bị đơn là bà Võ Thị H trình bày:**

Bà H thừa nhận trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2017 có nhận vé xổ số kiến thiết từ Doanh nghiệp T do ông D làm chủ để bán. Đồng thời thừa nhận bà còn nợ Doanh nghiệp T số tiền 263.993.000đ, nhưng do điều kiện khó khăn nên bà yêu

cầu không tính lãi và bắt đầu từ năm 2020 xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ.

*** Tại bản tự khai ngày 12/11/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị X trình bày:**

Bà X cho rằng bà có biết bà Võ Thị H nhận vé xổ số kiến thiết của ông D để bán nhưng bà không biết việc nợ nần giữa hai bên.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và cho rằng:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 274, 280, 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Võ Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền gốc 263.993.000đ, tiền lãi 47.298.745đ, tổng cộng 311.291.745đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Đây là vụ án dân sự tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là bà Võ Thị H có địa chỉ cư trú tại Số V đường U, phường C, quận R, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn là bà Võ Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung K, bà Tạ Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

*** Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Võ Thị H thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 263.993.000đ thì thấy:

Doanh nghiệp tư nhân T là đại lý xổ số kiến thiết cấp I có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Từ năm 2010 đến năm 2016 bà Võ Thị H đã nhiều lần nhận vé số của Doanh nghiệp T về bán lẻ nhưng chưa thanh toán hết tiền. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn căn cứ Giấy cam kết trả nợ tiền mặt do hai bên lập ngày 01/11/2017 yêu cầu buộc bà Võ Thị H phải thanh toán ngay cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc là 263.993.000đ. Bị đơn là bà H trong quá trình hòa giải tại Trung tâm hòa giải - đối thoại, tại bản tự khai gửi cho Tòa án cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 263.993.000đ nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng từ một đến hai triệu đồng.

Xét thấy, tại Giấy cam kết trả nợ tiền mặt do ông D và bà Võ Thị H lập ngày 01/11/2017, các bên đã thỏa thuận vào ngày 29/12/2017 đến về sau mỗi tháng bà H sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 10.000.000đ. Tuy nhiên từ đó cho đến nay bà H không thực hiện một kỳ thanh toán nào cho nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, là bên có lỗi, do vậy yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ 263.993.000đ cho Doanh nghiệp T của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận, mà không thể thỏa mãn yêu cầu xin trả dần của bị đơn.

[2] Về yêu cầu buộc bị đơn là bà Võ Thị H thanh toán số tiền lãi 47.298.745đ của nguyên đơn thì thấy:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu buộc bà Võ Thị H thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền lãi đối với khoản tiền chậm thanh toán là 263.993.000đ, theo mức lãi suất 10% /năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/02/2018 đến ngày xét xử, số tiền lãi cụ thể yêu cầu là 47.298.745đ. Còn bà Võ Thị H yêu cầu không tính lãi. Xét ý kiến của các bên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Võ Thị H yêu cầu không tính lãi đối với khoản tiền bà nợ nguyên đơn nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Trong khi đó, theo Giấy cam kết trả nợ tiền mặt do ông D và bà Võ Thị H lập ngày 01/11/2017 mà nguyên đơn đã cung cấp có ghi nhận nội dung cụ thể trong trường hợp bà H không trả tiền đúng cam kết thì "*sẽ chịu lãi suất số tiền nợ theo ngân hàng đang áp dụng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018"*. Do vậy yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền bà Hiền chậm thanh toán kể từ ngày 01/02/2018 đến ngày xét xử (thời gian tính lãi được tính tròn thành 21,5 tháng) của Doanh nghiệp T là hoàn toàn phù hợp theo thỏa thuận của các bên cũng như quy định tại khoản 2 Điều 280 của Bộ luật dân sự.

Đối với mức lãi suất 10%/năm mà nguyên đơn yêu cầu áp dụng: Tại Giấy cam kết trả nợ tiền mặt các bên đã lập tuy có thỏa thuận về lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất cụ thể. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự *Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất ... thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm thanh toán"* nên việc nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm để tính lãi đối với bị đơn là phù hợp.

Từ những phân tích trên đây, xét thấy toàn bộ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án và điều luật áp dụng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, cần buộc bà Võ Thị H phải thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 311.291.745đ (trong đó tiền nợ là 263.993.000đ, tiền lãi là 47.298.745đ).

[5] Về án phí: Bị đơn là bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền án phí cụ thể được tính: 311.291.745đ x 5% = 15.564.587đ.

Hoàn trả cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 244, 264, 266, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, 280, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D - Chủ doanh nghiệp tư nhân T đối với bà Võ Thị H.

1. Buộc bà Võ Thị H phải thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 311.291.745đ (Ba trăm mười một triệu hai trăm chín mươi mốt ngàn bảy trăm bốn mươi lăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị H phải chịu 15.564.587đ (Mười lăm triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm tám mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền đã nộp tạm ứng án phí 7.854.000đ theo biên lai thu số 0005070 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI